

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 18 ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Vốn điều lệ của công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON là Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON- Shanghai Harbour, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Viện nền móng và công trình ngầm, Trường PTTH Ý Yên.

Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON - Shanghai Harbour hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần xử lý nền FECON Shanghai Harbour theo giấy chứng nhận đầu tư số 011032002204 ngày 17 tháng 01 năm 2014. Trong đó, Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON góp 2.537.250 USD (Hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đô la Mỹ), chiếm 50,5% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, văn phòng; Công ty TNHH tập đoàn xây dựng hạ tầng vịnh cảng Thượng Hải góp 2.450.000 USD (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 49% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt và máy móc thiết bị; ông Nguyễn Chí Công góp 25.000 USD (Hai mươi lăm nghìn đô la Mỹ) chiếm 0,5% vốn điều lệ, góp vốn bằng tiền mặt.

Công ty Cổ phần FECON MILTEC hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000190 ngày 21/11/2011 của Ban Quản lý khu kinh tế Tỉnh Long An. Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON nắm giữ 50,29% vốn điều lệ và có quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp.

Viện Nền móng và Công trình ngầm được thành lập theo Quyết định số 090905/QĐ/HĐQT-FECON ngày 01 tháng 10 năm 2009 và được Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 262/DK-KH&CN lần đầu ngày 19/01/2010; thay đổi đăng ký lần thứ ba (03) ngày 18/05/2011, thay đổi đăng ký lần thứ năm (05) ngày 01/10/2012. Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trường PTTH Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thục theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
	Ông Takano Satoshi	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Trọng Thắng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/7/2015)
	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/7/2015)
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/7/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *mm2*



Trần Trọng Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Số: 519/2015/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, được lập ngày 26/8/2015 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Mai Hoa, the auditor.

Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326 -2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	MS	TM	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.427.309.106.800	1.411.606.628.946
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	203.734.592.228	236.575.321.193
1. Tiền	111		152.832.692.527	153.810.884.434
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.901.899.701	82.764.436.759
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		846.904.578.515	1.016.646.607.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	711.528.638.789	910.131.285.563
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.466.245.443	13.753.542.130
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	80.821.458.154	97.182.090.424
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(3.911.763.871)	(4.420.310.300)
IV. Hàng tồn kho	140		344.395.375.644	155.612.226.514
1. Hàng tồn kho	141	5.5	344.395.375.644	155.612.226.514
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.274.560.413	2.772.473.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.224.751.735	2.465.901.069
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.930.715.492	87.292.488
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	119.093.186	219.279.865
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		943.465.200.016	786.481.667.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.449.118.208	4.202.274.888
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	3.449.118.208	4.202.274.888
II. Tài sản cố định	220		432.247.568.611	403.572.076.996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	166.402.832.593	151.483.805.610
- Nguyên giá	222		296.943.094.979	264.839.186.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.540.262.386)	(113.355.380.870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	189.444.266.560	184.793.418.040
- Nguyên giá	225		235.511.586.124	219.560.019.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(46.067.319.564)	(34.766.601.684)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	76.400.469.458	67.294.853.346
- Nguyên giá	228		80.927.325.828	70.873.665.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.526.856.370)	(3.578.812.482)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.639.275.845	15.201.082.845
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	18.639.275.845	15.201.082.845
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	470.032.906.748	348.550.150.682
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		324.877.266.748	235.458.510.682
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		145.155.640.000	113.091.640.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.096.330.604	14.956.082.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	17.583.966.614	13.356.087.714
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.512.363.990	1.599.994.409
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.370.774.306.816	2.198.088.296.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	MS	TM	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.561.472.324.423	1.400.787.265.813
I. Nợ ngắn hạn	310		1.093.657.302.042	1.031.869.885.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	378.446.427.346	553.584.197.758
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		183.941.538.145	6.657.059.371
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.292.574.771	57.275.006.276
4. Phải trả người lao động	314		1.771.178.573	3.568.010.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	98.275.994.289	207.483.980.578
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		90.031.420	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.329.316.104	505.074.464
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	403.180.463.767	189.209.190.765
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.184.687.504	3.679.093.200
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.145.090.123	9.908.272.427
II. Nợ dài hạn	330		467.815.022.381	368.917.380.198
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		227.896.547	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	166.122.328.323	167.452.582.687
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.18	295.585.000.000	195.585.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.879.797.511	5.879.797.511
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		809.301.982.393	797.301.030.667
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	809.301.982.393	797.301.030.667
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		457.228.540.000	457.228.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.896.154.025	52.664.242.304
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.985.846.570	189.370.401.067
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		138.762.167.391	59.063.620.717
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.223.679.179	130.306.780.350
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		63.652.457.977	63.498.863.475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.370.774.306.816	2.198.088.296.480
(440 = 300+400)				

Người lập

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	543.308.995.625	469.833.389.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		543.308.995.625	469.833.389.213
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	443.364.851.332	371.201.761.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		99.944.144.293	98.631.628.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	21.279.173.818	8.214.569.634
7. Chi phí tài chính	22	5.23	24.877.649.350	11.564.513.587
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.789.054.258	9.766.359.946
8. Chi phí bán hàng	25	5.24	7.226.767.777	6.622.050.646
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	35.765.228.034	30.152.824.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		53.353.672.950	58.506.808.905
11. Thu nhập khác	31	5.25	22.005.214.891	55.533.171.666
12. Chi phí khác	32	5.25	24.539.402.412	56.293.541.136
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	(2.534.187.521)	(760.369.470)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		9.809.307.781	5.560.339.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		60.628.793.210	63.306.778.446
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	7.374.856.696	11.307.425.270
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		87.630.419	151.388.590
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		53.166.306.095	51.847.964.586
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		52.223.679.179	48.964.766.649
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		942.626.916	2.883.197.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.142	1.227
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập



Phan Vương Cường

Kế toán trưởng



Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu B 03a-DN/1N
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.628.793.210	63.306.778.446
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02		31.733.955.176	17.171.809.598
- Các khoản dự phòng	03		(1.002.952.125)	187.674.095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(150.692.323)	1.072.956.361
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.777.363.077)	(6.362.327.606)
- Chi phí lãi vay	06		22.789.054.258	9.629.496.010
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		93.220.795.119	85.006.386.904
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		140.348.126.505	(115.227.003.382)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(188.783.149.130)	(20.733.816.541)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(128.130.795.676)	(31.822.588.592)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.986.729.566)	(915.428.846)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.789.054.258)	(9.629.496.010)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33.097.769.014)	(28.058.395.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		19.293.249.607	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(43.048.174.083)	(12.791.334.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(165.973.500.496)	(134.171.676.852)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(78.822.764.417)	(66.927.855.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		21.321.683.210	49.017.908.283
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	5.123.896.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(121.482.756.066)	(76.250.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.376.237.398	6.379.387.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(160.607.599.875)	(82.656.663.903)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	19.879.550.000
3. Tiền thu từ cho vay	33		534.199.969.723	448.647.207.953
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(221.125.687.721)	(162.721.938.039)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(19.364.263.364)	(6.854.326.601)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(39.738.330.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		293.710.018.638	259.212.163.213
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(32.871.081.733)	(42.383.822.458)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		236.575.321.193	238.042.852.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		30.352.768	22.697.882
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		203.734.592.228	280.449.372.582

Người lập

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015
 Tổng Giám đốc

 Trần Trọng Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 18 ngày 06 tháng 02 năm 2015.

Vốn điều lệ của công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Số lao động bình quân trong kỳ : 476 người

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Viện nền móng và Công trình ngầm	Xây dựng, nghiên cứu	100%	100%
Công ty Cổ phần Fecon Miltec	Sản xuất	50,29%	50,29%
Công ty CP Xứ lý nền Fecon Shanghai Harbour	Thi công xây lắp công trình	51,18%	51,18%
Công ty Liên kết			
Trường THPT Ý Yên	Đào tạo	38,12%	67,74%
Công ty CP Khoáng sản FECON	Sản xuất, thương mại	36,09%	36,09%
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải	Tư vấn, thiết kế	49,88%	49,88%
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Thi công xây lắp công trình	38,07%	38,07%
Công ty CP Hạ tầng FECON	Thi công xây lắp công trình	38,65%	38,65%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 và thông tư 202 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngấm FECON, các công ty con của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngấm FECON là Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Viện nền móng và công trình ngấm, Trường PTTH Ý Yên.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng tại ngày 30/6/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng tại ngày 30/6/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Tên Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/6/2015	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	21.780	21.840
30/6/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm	21.780	21.840
30/6/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam-VCB Geotech 2013	21.780	21.840
30/6/2015	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	21.785	21.835
30/6/2015	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	21.775	21.840

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
	<u>Thời gian khấu hao</u>
	<u>(Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế tài chính

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuế. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	23.872.001.576	32.104.035.982
Tiền gửi ngân hàng	128.960.690.951	121.706.848.452
Các khoản tương đương tiền	50.901.899.701	82.764.436.759
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	50.901.899.701	82.764.436.759
Tổng	203.734.592.228	236.575.321.193

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	711.528.638.789	910.131.285.563
Công ty cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	42.428.714.809	-
Công ty TNHH CHEIL INDUSTRIES INC Việt Nam	28.747.444.000	88.152.227.823
Công ty TNHH Samsung Engineering Vietnam	121.087.400.000	37.821.300.000
Công ty Samsung C&T Corporation Hàn Quốc	-	39.470.310.000
Công ty TOA Corporation Nhật Bản	61.267.076.777	75.200.604.453
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	102.362.686.985	102.843.972.315
BDH Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	40.817.726.951	109.832.686.096
Công ty TNHH Xây dựng CJV	19.425.903.325	35.229.123.375
Tổng Công ty xây dựng số 1 - TNHH MTV CN Tư vấn thiết kế và Xây dựng - TCT Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	19.979.906.150	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec	11.198.554.724	10.069.388.717
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng FCC	31.915.970.340	31.915.970.340
Công ty cổ phần xây dựng nền móng Long Giang	23.877.082.672	29.354.820.000
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu SHANGHAI HARBOUR Việt Nam	49.255.576.776	87.991.673.657
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	4.170.550.000	18.150.650.000
Công ty TNHH Đầu tư Capitaland Hoàng Thành	35.293.430.799	38.070.514.873
Liên doanh CRBC và Vinaconex E&C-TC (Đường Và Cầu Cao Lãnh)	-	3.432.000.000
Công ty CP Địa ốc Đại Quang Minh	-	22.407.838.737
Công ty Chikami Miltec Inc	19.576.074.772	513.843.750
Phải thu các đối tượng khác	65.895.483.650	75.366.905.368
Trong đó phải thu các bên liên quan	101.520.270.572	119.907.643.997
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	772.648.684	-
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng FCC	31.915.970.340	31.915.970.340
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu SHANGHAI HARBOUR Việt Nam	49.255.576.776	87.991.673.657
Công ty Chikami Miltec Inc	19.576.074.772	-
Tổng	711.528.638.789	910.131.285.563

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.3 Phải thu ngắn hạn khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	80.821.458.154	-	97.182.090.424	-
Bảo hiểm xã hội	118.359	-	3.075.379	-
Bảo hiểm nộp thừa	-	-	7.656.050	-
Bảo hiểm y tế	-	-	532.277	-
Công ty TNHH Cơ khí chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn	513.086.815	-	513.086.815	-
Công ty cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	3.550.728.985	-	-	-
Công ty TNHH MTV đầu tư và thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
Tạm ứng tiền cổ tức	129.444.624	-	129.444.624	-
Tạm ứng	68.831.913.229	-	91.600.447.691	-
Ký cược, ký quỹ	1.017.500.000	-	59.400.000	-
Phải thu khác	2.362.832.532	-	452.613.978	-
Tổng	80.821.458.154	-	97.182.090.424	-

5.4 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	6.989.129.462	3.077.365.591	6.989.129.462	2.568.819.162
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Cty CP đầu tư XD Vinaconex -PVC				792.689.600
Công ty XD công trình giao thông 892				269.661.360
Công ty TNHH một thành viên 308				1.319.021.000
Công ty CP Phúc Lộc				177.226.521
Cty CP đầu tư xây lắp dầu khí IMICO				1.040.057.553
Xi nghiệp xây lắp số 2 HN				566.081.195
Công ty CP Sông Đà Hoàng Long				482.801.650
Các đối tượng khác				1.256.623.649
Công ty CP quan bộ đầu tư sản xuất				487.194.800
Công ty CP đầu tư TMDV Cầu Giấy				597.772.134
Tổng				6.989.129.462

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.5 Hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.409.300	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.554.647.949	-	11.613.305.456	-
Công cụ, dụng cụ	789.747.615	-	47.854.500	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	328.100.550.492	-	139.827.127.391	-
Thành phẩm	3.946.020.288	-	3.530.437.648	-
Hàng gửi bán	-	-	593.501.519	-
Tổng	344.395.375.644	-	155.612.226.514	-

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	1.224.751.735	2.465.901.069
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	121.424.688	315.163.872
Chi phí bảo hiểm	287.034.993	270.714.868
Chi phí mua phần mềm	95.375.000	80.458.333
Chi phí thuê văn phòng	412.464.324	479.562.909
Chi phí bảo hộ lao động	124.038.916	792.008.167
Chi phí khác	184.413.814	527.992.920
Dài hạn	17.583.966.614	13.356.087.714
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	7.970.140.236	6.967.939.380
Chi phí sửa chữa	2.419.187.280	983.074.754
Tiền thuê văn phòng	4.736.067.188	4.793.824.106
Chi phí phần mềm	39.433.333	116.633.333
Phí bảo hiểm	88.063.470	137.083.333
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.090.277.778	-
Chi phí khác	240.797.329	357.532.808
Tổng	18.808.718.349	15.821.988.783

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.7 Phải thu dài hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Dài hạn	3.449.118.208	-	4.202.274.888	-
Ký quỹ, ký cược cho Công ty TNHH MTV cho thuê TC VCB	900.000.000	-	1.713.556.680	-
Ký quỹ, ký cược cho Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.860.000.000	-	1.860.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê đất	628.718.208	-	628.718.208	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	60.400.000	-	-	-
Tổng	3.449.118.208	-	4.202.274.888	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NÉN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

NGUỒN GIẢ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thuế bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	12.008.598,364	219.522.752,558	22.287.695,196	569.017,486	10.451,122,876	264.839,186,480	
Tăng trong kỳ	1.064.857,000	50.597.607,360	2.236.940,000	150.000,000	1.337.644,702	55.297,049,062	
Mua trong kỳ	-	42.595.553,715	2.236.940,000	150.000,000	1.337.644,702	46.320,138,417	
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	5.561.133,600	-	-	-	5.561,133,600	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.064.857,000	2.350.920,045	-	-	-	3.415,777,045	
Giảm trong kỳ	-	22.650,735,654	542.404,909	-	-	23.193,140,563	
Thanh lý, nhượng bán	-	22.650,735,654	542.404,909	-	-	23.193,140,563	
Số dư tại 30/06/2015	13.073.455,364	247.379,624,264	23.982.230,287	719.017,486	11.788,767,578	296.943,094,979	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2015	4.537.200,031	93.389,874,055	12.372.218,731	418.648,244	2.637,439,809	113.355,380,870	
Tăng trong kỳ	334.599,950	16.644.844,241	1.567.369,526	40.458,210	897,921,530	19.485,193,457	
Khấu hao trong kỳ	334.599,950	13.687,304,846	1.567.369,526	40.458,210	897,921,530	16.527,654,062	
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	2.957,539,395	-	-	-	2.957,539,395	
Giảm trong kỳ	-	1.747,959,305	552.352,636	-	-	2.300,311,941	
Thanh lý, nhượng bán	-	1.359,586,946	542.404,909	-	-	1.901,991,855	
Giảm khác	-	388,372,359	9.947,727	-	-	398,320,086	
Số dư tại 30/06/2015	4.871.799,981	108.286,758,991	13.387.235,621	459.106,454	3.535,361,339	130.540,262,386	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2015	7.471.398,333	126.132,878,503	9.915,476,465	150.369,242	7.813,683,067	151.483,805,610	
Tại 31/06/2015	8.201,655,383	139,092,865,273	10,594,994,666	259,911,032	8,253,406,239	166,402,832,593	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

14.501,107,202

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.9 Tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	219.560.019.724	219.560.019.724
Tăng trong kỳ	21.512.700.000	21.512.700.000
Mua trong kỳ	21.512.700.000	21.512.700.000
Giảm trong kỳ	5.561.133.600	5.561.133.600
Mua lại tài sản thuê tài chính	5.561.133.600	5.561.133.600
Số dư tại 30/06/2015	<u>235.511.586.124</u>	<u>235.511.586.124</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	34.766.601.684	34.766.601.684
Tăng trong kỳ	14.258.257.226	14.258.257.226
Khấu hao trong kỳ	14.258.257.226	14.258.257.226
Giảm trong kỳ	2.957.539.346	2.957.539.346
Mua lại tài sản thuê tài chính	2.957.539.346	2.957.539.346
Số dư tại 30/06/2015	<u>46.067.319.564</u>	<u>46.067.319.564</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	<u>184.793.418.040</u>	<u>184.793.418.040</u>
Tại 30/06/2015	<u>189.444.266.560</u>	<u>189.444.266.560</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	69.781.785.119	576.152.952	515.727.757	70.873.665.828
Tăng trong kỳ	10.053.660.000	-	-	10.053.660.000
Mua trong kỳ	10.053.660.000	-	-	10.053.660.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	<u>79.835.445.119</u>	<u>576.152.952</u>	<u>515.727.757</u>	<u>80.927.325.828</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	2.929.845.581	348.180.688	300.786.213	3.578.812.482
Tăng trong kỳ	870.612.932	57.889.491	19.541.465	948.043.888
Khấu hao trong kỳ	870.612.932	57.889.491	19.541.465	948.043.888
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	<u>3.800.458.513</u>	<u>406.070.179</u>	<u>320.327.678</u>	<u>4.526.856.370</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	<u>66.851.939.538</u>	<u>227.972.264</u>	<u>214.941.544</u>	<u>67.294.853.346</u>
Tại 30/6/2015	<u>76.034.986.606</u>	<u>170.082.773</u>	<u>195.400.079</u>	<u>76.400.469.458</u>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng - Trường THPT Ý Yên	159.525.000	188.116.000
Chi phí xây dựng phần mềm quản lý SAP	18.479.750.845	15.012.966.845
Tổng	<u>18.639.275.845</u>	<u>15.201.082.845</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09a - DN/HN

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Ty lệ		30/6/2015		01/01/2015	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị số sách	Dự phòng	Giá trị số sách	Dự phòng
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			324.877.266.748	-	235.458.510.682	-
Công ty CP Khoáng sản FECON	36,09%	36,09%	169.636.848.513	-	163.947.857.047	-
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	49,88%	49,88%	73.108.087.589	-	71.510.653.635	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	38,07%	38,07%	3.290.439.971	-	-	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	38,65%	38,65%	78.841.890.675	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			145.155.640.000	-	113.091.640.000	-
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 - CTCP			70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng FCC			64.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí			7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng			2.155.640.000	-	1.331.640.000	-
Công ty cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU			2.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Hạ tầng FECON			-	-	34.760.000.000	-
Tổng			470.032.906.748	-	348.550.150.682	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.13 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngân hạn	378.446.427.346	378.446.427.346	553.584.197.758	553.584.197.758
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	130.934.602.774	130.934.602.774	291.199.849.304	291.199.849.304
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	11.222.102.915	11.222.102.915	11.722.102.915	11.722.102.915
ASIA COMMERCE LIMITED	25.988.399.610	25.988.399.610	-	-
Shanghai Harbour Soft Soil Treatment Co., Ltd	30.781.894.500	30.781.894.500	67.714.717.500	67.714.717.500
KANAMOTO CO.,LTD	10.376.137.699	10.376.137.699	-	-
Các đối tượng khác	169.143.089.848	169.143.089.848	182.947.528.039	182.947.528.039
Tổng	378.446.427.346	378.446.427.346	553.584.197.758	553.584.197.758

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015
Phải nộp	57.275.006.276	106.231.838.033	154.214.269.538	9.292.574.771
Thuế giá trị gia tăng	30.265.844.459	95.551.507.541	118.816.611.121	7.000.740.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.517.450.404	7.374.856.696	33.096.433.048	795.874.052
Thuế thu nhập cá nhân	491.711.413	3.165.271.516	2.298.225.369	1.358.757.560
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	140.202.280	3.000.000	137.202.280
Phải thu	219.279.865	13.463.835.819	13.363.649.140	119.093.186
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	161.353.703	11.177.161.323	11.133.564.841	117.757.221
Thuế XNK	57.926.162	2.286.674.496	2.228.748.334	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.335.965	1.335.965
Tổng	219.279.865	13.463.835.819	13.363.649.140	119.093.186

5.15 Chi phí phải trả

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hạn	98.275.994.289	207.483.980.578
Trích trước chi phí các công trình	98.275.994.289	207.483.980.578
Tổng	98.275.994.289	207.483.980.578

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	10.329.316.104	505.074.464
Kinh phí công đoàn	338.593.603	125.388.910
Bảo hiểm xã hội	660.323.736	236.677.714
Bảo hiểm y tế	137.053.616	-
Bảo hiểm thất nghiệp	61.478.357	-
Phải trả tạm ứng	287.788.587	80.528.603
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	212.909.489	-
Phải trả Shanghai Harbour soft soil treatment engineering	7.154.000.000	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.341.383.853	-
Phải trả, phải nộp khác	135.784.863	62.479.237
Tổng	10.329.316.104	505.074.464

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NÉN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B-09a - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giá trị	
a. Vay					
Vay ngắn hạn					
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	403.180.463.767	403.180.463.767	439.206.244.582	189.209.190.765	189.209.190.765
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô	206.114.512.341	206.114.512.341	223.901.759.562	62.612.348.514	62.612.348.514
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thái Bình	190.333.494.258	190.333.494.258	190.333.494.258	121.070.567.392	121.070.567.392
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	4.177.250.000	4.177.250.000
Vay dài hạn					
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (Thời hạn vay 36 tháng)	6.732.457.168	6.732.457.168	24.970.990.762	1.349.024.859	1.349.024.859
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Long (Thời hạn vay 60 tháng)	46.693.215.383	46.693.215.383	-	47.590.206.383	47.590.206.383
- Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Đồng Đô	2.968.750.000	2.968.750.000	-	3.265.625.000	3.265.625.000
- Công ty TNHH Xứ lý nền đất yếu Shanghai Harbour Brunel	1.907.906.000	1.907.906.000	-	2.453.022.000	2.453.022.000
	439.500.000	439.500.000	-	494.500.000	494.500.000
	41.377.059.383	41.377.059.383	-	41.377.059.383	41.377.059.383
Tổng	449.873.679.150	449.873.679.150	439.206.244.582	236.799.397.148	236.799.397.148

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NÉN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B.09a - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Nợ thuế tài chính

Thời hạn	6 tháng năm 2015		6 tháng năm 2014			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Trên 5 năm						
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.763.616.938	1.945.828.204	10.817.788.734	8.051.120.756	1.851.832.334	6.199.288.422
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.321.951.377	1.902.914.357	8.419.037.020	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Challenge	127.437.610	-	127.437.610	776.782.061	121.743.882	655.038.179
Tổng	23.213.005.925	3.848.742.561	19.364.263.364	8.827.902.817	1.973.576.216	6.854.326.601

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.132625.15/HĐTD ngày 30/06/2015 với Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đô

Hạn mức: 500.000.000.000 VND

- Cho vay ngắn hạn: 250.000.000.000 VND

- Bảo lãnh: 250.000.000.000 VND

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 30/06/2015

Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ

Biện pháp bảo đảm: Thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay, Bên thứ ba; Bảo lãnh của Bên thứ ba; Toàn bộ số dư tài khoản bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐTD/15118 ngày 10/07/2015 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Hạn mức: 500.000.000.000 VND

- Hạn mức cho vay: 250.000.000.000 VND

- Bảo lãnh, L/C: 250.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NÉN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B.09a - DN/HN

5.17 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài trợ thương mại và Các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật

Thời hạn rút vốn của hạn mức cấp tín dụng: Tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực

Thời hạn cấp tín dụng: Tối đa không quá 08 tháng kể từ ngày nhận nợ và được bên cho vay chấp thuận theo từng phương án vay vốn

Lãi suất: VND 7,5%/năm; Ngoại tệ khác: Theo thông báo của bên cho vay tại thời điểm bên vay nhận nợ

Biện pháp bảo đảm:

- 01 ROBOT ép cọc tự hành theo HDTC số HKI-HDTC/09093 ngày 30/11/2009, giá trị định giá lại là 1.506 triệu đồng;
- 02 ROBOT ép cọc tự hành theo HDTC số HKI-HDTC/09052 ngày 06/08/2009, giá trị định giá lại là 2.808 triệu đồng;
- 03 ROBOT ép cọc tự hành theo HDTC số HKI-HDTC/10033 ngày 07/04/2010, giá trị định giá lại là 6.218 triệu đồng;
- 02 ô tô hiệu FORD EVEREST, BKS: 30U – 6472 và 30U – 6059 theo HDTC số HKI-HDTC/09092 ngày 16/11/2009, giá trị định giá lại là 103 triệu đồng;
- 01 máy ép cọc bê tông, 03 búa đóng cọc HD62 và 01 búa đóng cọc TD62 theo HDTC số HKI-HDTC/11013 ngày 31/03/2011, giá trị định giá lại là 3.637 triệu đồng;
- Sân tầng 15 tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng (diện tích 494,47m²) theo HDTC số HKI-HDTC/09095 ngày 01/12/2009, giá trị định giá lại là 11.560 triệu đồng;
- 01 ô tô hiệu FORD EVEREST, BKS: 31H-0312 theo HDTC số HKI-HDTC/10121 ngày 07/12/2010, giá trị định giá lại là 168 triệu đồng;
- 02 Số tiết kiệm của bà Nguyễn Ánh Tuyết theo HDCC số HKI-HDCC/10011 ngày 04/03/2010. Trị giá 1.600 triệu đồng;
- Máy đóng cọc thủy lực bánh xích đã qua sử dụng theo HDTC số HKI-HDTC/13043 ngày 07/06/2013. Trị giá 2.065 triệu đồng.

Tổng giá trị: 29.665 triệu đồng

(3) Hợp đồng tín dụng số 001/2014/HĐTD-HM/PVB-CNTB với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình

Hạn mức:

- Cho vay ngắn hạn: 50.000.000.000 VND

- Bảo lãnh: 50.000.000.000 VND

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh

Lãi suất: Biến đổi

Thời hạn cho vay: Tối đa 9 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể cho từng Kế ước nhận nợ

Biện pháp bảo đảm: Các khoản phải thu đã hình thành của bên được cấp tín dụng, trong đó ưu tiên nhận một trong các khoản phải thu đã hình thành của các công trình FECON thi công trong ngành Dầu khí (như dự án Long Phú 1, Nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn...) và ký thỏa thuận quản lý nguồn thu đã hình thành này.

(4) Hợp đồng vay số 01/HĐ/FCSH – SHBR ngày 01/06/2011; Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH – SHBR ngày 02/05/2012 với công ty TNHH Xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Brunel

Thời hạn hợp đồng: Tối đa 72 tháng

Lãi suất vay: 0%/tháng

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/TH

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	457.228.540.000	397.591.180.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	59.637.360.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	457.228.540.000	457.228.540.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.463.823.442	89.562.882.384

c. Cổ phiếu

	30/6/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.722.854	45.722.854
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	45.722.854
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	154.208.360.985	176.842.004.609
Doanh thu bán thành phẩm	-	878.910.000
Doanh thu xây lắp	354.134.865.311	271.294.537.286
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.036.901.829	19.451.874.818
Doanh thu khác	928.867.500	1.366.062.500
Tổng	543.308.995.625	469.833.389.213

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.21 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn hàng bán	149.284.116.094	155.282.224.889
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	647.852.672
Giá vốn của hoạt động xây lắp	271.213.545.892	205.023.918.667
Giá vốn của dịch vụ	22.074.272.713	9.118.905.520
Giá vốn khác	792.916.633	1.128.859.329
Tổng	443.364.851.332	371.201.761.077

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.778.928.385	2.377.626.234
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.545.518	2.093.517
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	472.459.915	125.883
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.949.240.000	5.834.724.000
Tổng	21.279.173.818	8.214.569.634

5.23 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	22.789.054.258	9.766.359.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.491.702.790	103.655.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.636.001	1.694.359.214
Chi phí tài chính khác	370.256.301	138.835
Tổng	24.877.649.350	11.564.513.587

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/TH

5.24 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí bán hàng	7.226.767.777	6.622.050.646
Chi phí nhân viên	4.699.752.426	2.405.286.481
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	33.873.778	358.472.229
Chi phí khấu hao TSCĐ	225.971.263	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.261.538.310	3.788.385.931
Chi phí bằng tiền khác	5.632.000	69.906.005
Chi phí quản lý	35.765.228.034	30.152.824.632
Chi phí nhân viên quản lý	17.259.130.650	10.762.086.518
Chi phí vật liệu quản lý	8.285.000	20.067.272
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.538.354.108	603.914.426
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.756.597.451	2.090.369.994
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	93.794.297
Chi phí dự phòng	(508.546.429)	187.674.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.947.333.021	10.514.272.058
Chi phí bằng tiền khác	8.761.074.233	5.880.645.972
Tổng	42.991.995.811	36.774.875.278

5.25 Thu nhập khác /Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	21.321.683.210	55.523.362.828
Thu nhập từ bán phế liệu, sản phẩm lỗi thời		9.873.747
Điều chỉnh giảm thu nhập khác năm 2013	-	(41.780.000)
Các khoản khác	683.531.681	41.715.091
Tổng	22.005.214.891	55.533.171.666
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	21.292.529.945	55.935.601.982
Chi phí khác	3.246.872.467	357.939.154
Tổng	24.539.402.412	56.293.541.136
Lợi nhuận khác	(2.534.187.521)	(760.369.470)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/TH

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	7.374.856.696	11.307.425.270
Tổng	7.374.856.696	11.307.425.270

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.166.306.095	51.847.964.586
Lợi ích của cổ đông thiểu số	942.626.916	2.883.197.937
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.223.679.179	48.964.766.649
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.722.854	39.890.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.142	1.227

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao	5.442.994.251	6.241.982.597

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu		772.648.684	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	772.648.684	-
Phải trả người bán		131.412.369.212	291.199.849.304
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	130.934.602.774	291.199.849.304
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	310.945.140	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty liên kết	166.821.298	-
Trả trước cho người bán		17.434.397.040	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	434.397.040	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty liên kết	17.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các giao dịch bán hàng			
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	31.718.570.706	19.728.514.136
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn Tổng	Công ty liên kết	19.013.985.977	-
		50.732.556.683	19.728.514.136
Các giao dịch mua hàng			
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	125.116.383.135	159.389.682.177
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	8.432.000.000	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	1.413.387.000	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty liên kết	911.096.055	-
Tổng		135.872.866.190	159.389.682.177

6.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.734.592.228	236.575.321.193
Phải thu khách hàng và phải thu khác	792.350.096.943	1.007.313.375.987
Dầu tư dài hạn	348.550.150.682	348.550.150.682
Tổng	1.344.634.839.853	1.592.438.847.862
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	569.302.792.090	356.661.773.452
Phải trả người bán và phải trả khác	388.775.743.450	554.089.272.222
Chi phí phải trả	98.275.994.289	207.483.980.578
Trái phiếu chuyển đổi	295.585.000.000	195.585.000.000
Tổng	1.351.939.529.829	1.313.820.026.252

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	403.180.463.767	166.122.328.323	569.302.792.090
Phải trả người bán và phải trả khác	388.775.743.450	-	388.775.743.450
Chi phí phải trả	98.275.994.289	-	98.275.994.289
Trái phiếu chuyển đổi	295.585.000.000	-	295.585.000.000
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	189.209.190.765	167.452.582.687	356.661.773.452
Phải trả người bán và phải trả khác	554.089.272.222	-	554.089.272.222
Chi phí phải trả	207.483.980.578	-	207.483.980.578
Công nợ khác	195.585.000.000	-	195.585.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.734.592.228	-	203.734.592.228
Phải thu khách hàng và phải thu khác	792.350.096.943	-	792.350.096.943
Dầu tư dài hạn	-	470.032.906.748	470.032.906.748
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.575.321.193	-	236.575.321.193
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.007.313.375.987	-	1.007.313.375.987
Dầu tư dài hạn	-	348.550.150.682	348.550.150.682

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.4 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014.

Người lập

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

